

## HOSE 16/06/2014

VNINDEX 572.37 -2.11 -0.37%

KLGD 87,593,555 CP  
GTGD 1,480.50 Tỷ  
GTR NDTNN 15.25 Tỷ

CP Tăng giá 100 CP  
CP Giảm giá 106 CP  
CP Đứng giá 98 CP



## HNX 16/6/2014

HNXINDEX 76.42 -0.26 -0.34%

KLGD 40,562,921 CP  
GTGD 412.76 Tỷ  
GTR NDTNN 15.26 Tỷ

CP Tăng giá 93 CP  
CP Giảm giá 91 CP  
CP Đứng giá 195 CP



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30 618.62 0.89 0.14%  
HNX30 152.93 -0.57 -0.37%

## Tâm điểm

- ▶ **Thị trường điều chỉnh nhẹ sau 6 phiên tăng liên tiếp**
- ▶ **Thanh khoản tăng trên HOSE, thanh khoản trên HNX duy trì ở mức thấp**  
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 1,892 tỷ đồng.
- ▶ **Năm 2015: Phân đầu đạt tăng trưởng GDP 6-6,2%**  
Tiếp tục giữ vững ổn định vĩ mô, kiểm chế lạm phát  
Thời báo ngân hàng
- ▶ **Xử lý nợ xấu vẫn vướng về mua bán nợ, xử lý tài sản đảm bảo**  
Tổng qui mô mua lại nợ xấu lên hơn 45.000 tỷ đồng  
Diễn đàn doanh nghiệp
- ▶ **Nhộn nhịp đầu tư vào công nghiệp điện tử Việt Nam**  
Chủ yếu là các nhà máy sản xuất điện thoại di động qui mô lớn  
Cafef
- ▶ **HSG: Đưa dây chuyền cán nguội số 4 vào hoạt động từ 10/6/2014**  
Với công suất thiết kế lên 200.000 tấn/năm tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ  
NDH
- ▶ **VNM đăng ký mua lại 3.500 cổ phiếu**  
Tổng số cổ phiếu quỹ VNM nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch là 518.475 cổ  
NDH

## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	1,018,667	13.9	3.1	20.6%	11.0%
HNX	123,905	17.4	1.5	7.5%	4.0%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,142,572</b>	<b>16.1</b>	<b>3.0</b>	<b>19.4%</b>	<b>10.3%</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,059	5.9	0.9	15.7%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,777	7.1	1.5	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	36,347	19.7	2.0	18.1%	7.7%
Khai khoáng	11,928	52.0	5.0	1.9%	1.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,542	16.9	1.4	11.5%	8.1%
Xây dựng	28,331	- 39.9	1.0	-4.0%	1.5%
Máy công nghiệp	7,788	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,077	15.6	1.3	14.3%	10.8%
Lốp xe	6,594	8.0	2.2	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,373	9.5	1.3	14.6%	6.5%
Thực phẩm	200,562	22.9	4.8	21.1%	16.3%
Dược phẩm	15,144	11.0	3.1	25.4%	16.7%
Phần mềm	16,470	10.1	2.1	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	25,011	- 6.7	1.2	-5.0%	3.3%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	210,609	17.6	5.6	33.0%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	27,423	22.3	2.2	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	24,157	13.1	1.3	8.3%	6.3%
Ngân hàng	246,507	11.1	1.3	11.1%	0.9%
Bất động sản	131,967	11.2	2.4	27.6%	6.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,367	9.5	1.9	20.5%	8.4%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**Năm 2015: Phần đầu đạt tăng trưởng GDP 6-6,2%**

**Xử lý nợ xấu vẫn vướng về mua bán nợ, xử lý tài sản đảm bảo**

**Nhộn nhíp đầu tư vào công nghiệp điện tử Việt Nam**

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**HSG: Đưa dây chuyền cán nguội số 4 vào hoạt động từ 10/6/2014**

**LCM: Không chia cổ tức 2013, đặt kế hoạch lợi nhuận 2014 giảm 15%**

**VNM đăng ký mua lại 3.500 cổ phiếu**

## ► Tin kinh tế

Thủ tướng Chính phủ vừa có Chỉ thị yêu cầu các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2015. Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2015 là tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao hiệu quả, bảo đảm nền kinh tế phát triển bền vững. Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân...

Cuối năm 2013, ngay sau khi đi vào hoạt động, VAMC đã ồ ạt mua lại nợ xấu từ các tổ chức tín dụng với hơn 39.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, từ đầu năm đến nay, tốc độ có vẻ như đang chậm lại với khoảng 6.300 tỷ đồng nợ xấu được mua, đưa tổng quy mô nợ đã mua lại lên hơn 45.000 tỷ đồng. Theo tiến sỹ Cán Văn Lực, chuyên gia tài chính ngân hàng, câu chuyện xử lý nợ xấu hiện nay gặp 2 vướng mắc, thứ nhất, liên quan đến cơ chế mua bán nợ. Sau khi VAMC đã gom nợ rồi thì vấn đề đặt ra là sẽ xử lý thế nào, bán thế nào, bán cho ai? Thứ hai, là câu chuyện liên quan đến xử lý tài sản đảm bảo. Hiện nay VAMC chưa có được quyền đặc biệt như bán tài sản đảm bảo mà không cần phải xin sự chấp thuận của bên đi vay.

Từ đầu tháng 6, ngành Công nghiệp điện tử Việt Nam chứng kiến việc có thêm nhiều nhà đầu tư nước ngoài xây nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Việt Nam. Sức hấp dẫn của công nghiệp điện tử Việt Nam hiện nay chính là các nhà máy sản xuất ĐTDĐ quy mô lớn, trong đó Samsung là lớn nhất (với 2 nhà máy 2,5 tỷ USD ở Bắc Ninh và 2 tỷ USD ở Thái Nguyên).

## ► Tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Hoa Sen (mã HSG) công bố ngày 10/6/2014 chính thức đưa vào hoạt động dây chuyền cán nguội số 4 với công suất thiết kế 200.000 tấn/năm tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ - đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, sớm hơn kế hoạch 5 ngày. Việc đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất thép cán nguội số 4 giúp HSG giảm sản lượng thép cán nguội mang đi gia công bên ngoài đồng thời làm tăng lợi nhuận gộp.

CTCP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai (LCM) công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, theo đó LCM thông qua kế hoạch đạt 40 tỷ đồng doanh thu và 8 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế trong năm 2014, tăng 31% doanh thu nhưng giảm 15% lợi nhuận so với thực hiện 2014. Năm 2014 LCM sẽ tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công trình xưởng tuyển khoáng và sớm đưa nhà máy vào hoạt động. Đây là dự án khai thác mỏ vàng LCM hợp tác thực hiện cùng công ty TNHH Gia Long Hòa Bình tại Hòa Bình. Năm 2013 LCM không chia cổ tức, năm 2014 dự kiến cổ tức 5%.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (mã VNM - HOSE) đăng ký mua lại 3.500 cổ phiếu đã phát hành theo chương trình cổ phiếu nhân viên năm 2010, 2011 do nhân viên nghỉ việc và bị kỷ luật lao động để làm cổ phiếu quỹ. Nguồn vốn mua lại được VNM lấy từ thặng dư vốn và lợi nhuận chưa phân phối. Giao dịch dự kiến được thực hiện từ 23/6/2014 cho đến khi hoàn tất thu hồi do trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam - CN HCM xác nhận. Phương thức giao dịch là thỏa thuận và khớp lệnh. Hiện tại, tổng số cổ phiếu quỹ VNM nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch là 518.475 cổ phiếu.

**HOSE** 16/06/2014 VNINDEX 572.37 -2.11 -0.37% 87,593,555 CP 1,480.50 bil VND

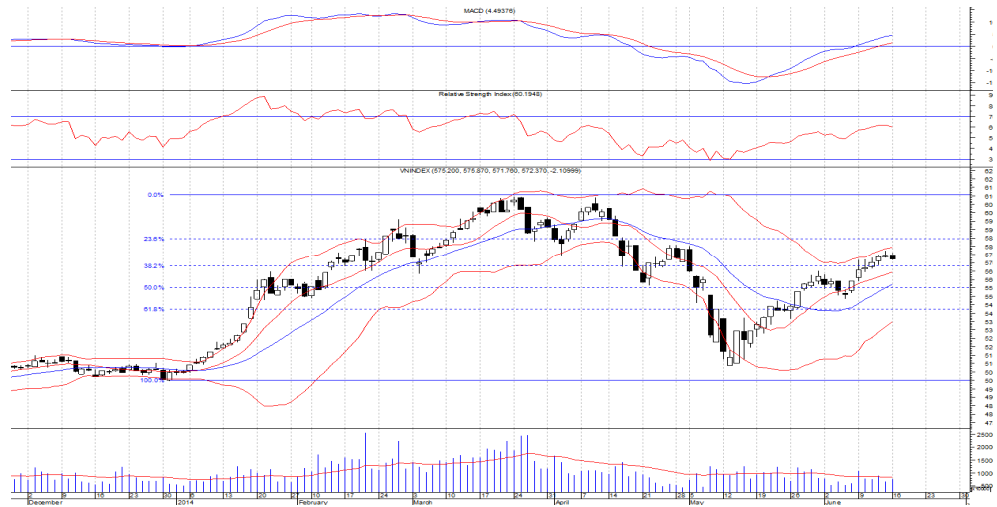
### Thị trường điều chỉnh nhẹ sau 6 phiên tăng liên tiếp

VN-Index giảm 2.11 điểm xuống 572.37 điểm. Một cây nến đen với thân ngắn gần được hình thành cho thấy đã tăng điểm đang chững lại.

- MACD đang trong vùng chỉ báo mua và đang nằm trên đường Zero line, cho thấy xu thế tăng điểm vẫn chưa thay đổi.

- RSI (14) giảm xuống 60.19 điểm, lực tăng đang có dấu hiệu chững lại.

- Thị trường căng lên gần vùng kháng cự 580 điểm thì lực cung càng tăng, dòng tiền vẫn tỏ ra khá thận trọng với thị trường.



### HOSE Top 5 theo KLGD

HQC	0.4 (5.7%)	7,251,850
FLC	0.2 (1.9%)	6,531,250
STB	0.4 (1.9%)	4,916,710
ITA	-0.1 (-1.2%)	3,239,410
SSI	0.1 (0.4%)	2,339,630

### HOSE Top 5 theo % tăng

AAM	0.9 (6.4%)	1,140
C21	1.2 (6.3%)	10
CTI	0.7 (6.3%)	110
VHG	0.5 (5.7%)	2,279,090
HQC	0.4 (5.7%)	7,251,850

### HOSE Top 5 theo % giảm

SAV	-1.1 (-6.9%)	1,960
HHS	-1.8 (-6.9%)	107,340
SSC	-4 (-6.6%)	1,340
PDR	-0.7 (-5.9%)	1,030
PNC	-0.4 (-5.7%)	1,020

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

STB	16,0 tỷ	758,860
GAS	16,0 tỷ	149,960
MSN	13,6 tỷ	137,760
DPM	11,9 tỷ	364,490
HT1	8,7 tỷ	620,000

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

PVD	-53,9 tỷ	645,280
HAG	-8,5 tỷ	348,310
FCN	-6,8 tỷ	285,200
PVT	-3,9 tỷ	319,200
KDC	-2,8 tỷ	46,080

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,104,440	15.25

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN-Index linh xịch đầu phiên và giảm nhẹ về cuối phiên do một số cổ phiếu vốn hóa lớn như GAS, BVH, VCB giảm điểm.
- ▶ Thanh khoản tăng so với phiên trước và đạt 76 triệu cổ phiếu nhưng đây vẫn là mức thấp so với thanh khoản bình quân gần đây trên HOSE.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 16 tỷ đồng, những CP được mua mạnh là GAS, DPM, STB trong khi họ bán ra mạnh PVD, HAG, KDC.
- ▶ VNINDEX đang hướng lên gần vùng kháng cự 580 điểm, thị trường có thể xuất hiện điều chỉnh, vùng hỗ trợ ngắn hạn là tại MA10 và MA20 (560- 566 điểm).
- ▶ NĐT ngắn hạn xem xét canh bán chốt lời, chờ mua lại ở vùng giá thấp hơn. NĐT trung và dài hạn chờ mua khi giá giảm về vùng hỗ trợ.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	106.0	200,870.00	18.2	5.8	33.4%	22.6%
VNM	833.4	122.0	101,679.35	15.9	5.4	36.4%	29.1%
MSN	734.9	99.5	73,123.68	218.3	4.9	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	29.9	69,290.77	15.8	1.6	10.4%	1.0%
VIC	894.2	65.0	58,125.63	7.8	3.7	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.9	41,886.92	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	40.1	27,286.90	22.3	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	51.5	24,818.27	10.6	2.4	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	21.0	23,992.74	10.8	1.4	13.5%	1.3%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

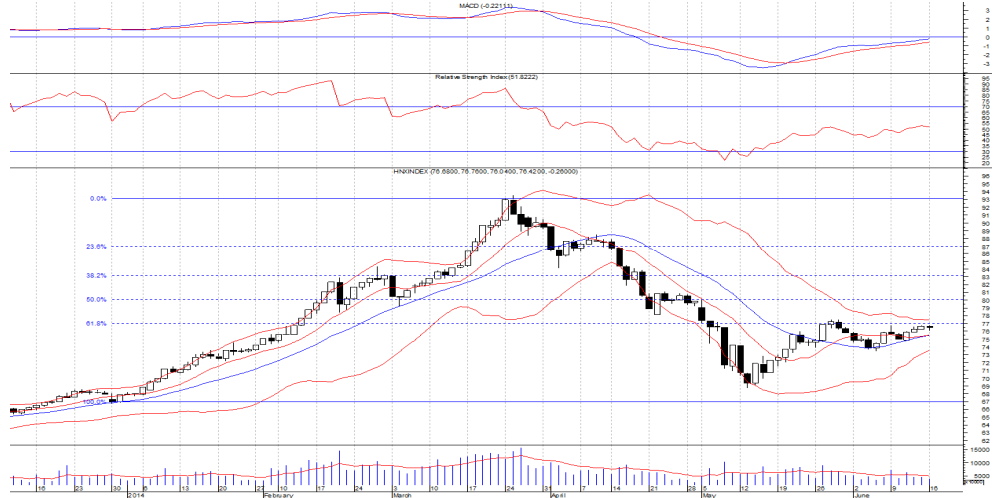
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	12.3	3,147.08	13.7	1.2	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.5	15,991.08	10.0	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.3	2,065.37	14.4	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.3	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.5	698.63	5.2	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.6	513.55	1.9	0.8	NA	TH.DOI

**HNX** 16/06/2014 HNX-Index 76.42 -0.26 -0.34% 40,562,921 CP 412.76 bil. VND

### HNX-Index giảm nhẹ thanh khoản giảm ở mức thấp.

Chỉ số HNX-Index giảm 0.26 điểm xuống 76.42 điểm, lực cầu vào yếu và đa phần ở vùng giá dưới tham chiếu, thanh khoản ở mức thấp.

- HNX-Index đóng cửa vẫn nằm phía trên của MA10 và MA20, đây sẽ là đường hỗ trợ của chỉ số nếu thị trường tiếp tục giảm điểm.
- MACD vẫn đang trong vùng mua và chưa có dấu hiệu đảo chiều.
- RSI (14) giảm xuống 51.8 điểm cho thấy động lực tăng ngắn hạn đang chững lại.
- Ngắn hạn thị trường có thể tiếp tục tích lũy ở quanh vùng MA20 (vùng 76 điểm).



### HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.1 (2.4%)	6,985,450
KLF	-0.1 (-0.9%)	4,699,900
FIT	0.5 (3.2%)	3,858,780
KLS	0.1 (0.8%)	3,357,040
SCR	0 (0.0%)	2,859,530

### HNX Top 5 theo % tăng

PVR	0.3 (10.0%)	8,900
S99	1.2 (9.8%)	159,600
DPC	1.1 (9.6%)	1,600
VTL	1.6 (9.6%)	1,600
QTC	5 (9.6%)	3,100

### HNX Top 5 theo % giảm

HLY	-0.9 (-10.0%)	200
NHC	-3 (-10.0%)	300
HAT	-4.6 (-9.9%)	1,200
VC3	-1.5 (-9.8%)	900
TKU	-1 (-9.7%)	4,200

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

DBC	4,6 tỷ	219,800
PVS	4,2 tỷ	155,800
SHB	2,0 tỷ	223,700
VND	1,8 tỷ	120,000
VCG	1,0 tỷ	78,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VCS	-0,7 tỷ	48,600
EBS	-0,1 tỷ	20,100
THT	0,0 tỷ	3,800
PVL	0,0 tỷ	10,000
NTP	0,0 tỷ	400,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	904,300	15.26

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index giảm điểm gần như trong cả phiên giao dịch nhưng mức giảm không lớn, dòng tiền vào thị trường khá yếu.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức thấp đạt 40 triệu cổ phiếu và ở dưới mức KL trung bình 10 phiên.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng với 15 tỷ đồng, DBC, PVS, SHB là những cổ phiếu được mua vào nhiều nhất.
- ▶ Ngắn hạn HNX Index có thể tiếp tục tích lũy vùng quanh MA20 với thanh khoản thấp, thị trường chỉ có thể bứt phá đi lên khi thanh khoản tăng.
- ▶ NĐT có thể mua tích lũy cổ phiếu quanh vùng MA20, không nên mua đuổi giá cao.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.5	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	26.6	11,882.23	7.9	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.0	8,580.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.1	8,063.36	10.1	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	13.3	5,874.75	13.3	1.1	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.6	5,120.00	36.1	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.3	4,125.08	15.0	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	40.8	3,175.55	7.1	2.2	33.5%	17.5%
NTP	56.3	51.0	2,873.30	10.2	2.3	23.8%	16.0%
VNR	100.8	28.0	2,823.17	7.9	1.1	14.5%	7.0%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.5	1,045.00	6.8	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.6	368.28	7.1	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.3	1,483.13	10.5	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	51.0	2,873.30	10.2	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.6	780.00	9.3	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.0	299.25	6.1	1.4	NA	TH.DOI

**FTSE Vietnam (UCITS ETF)**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	73,123.68	15.35%	99.5	218.32	4.89	84,768	132,772	293,278
VIC	HOSE	894.2	58,125.63	14.46%	65.0	7.76	3.71	135,546	218,718	498,749
HPG	HOSE	481.9	24,818.27	11.74%	51.5	10.58	2.43	359,486	471,506	803,754
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	8.68%	83.5	10.66	2.21	182,372	206,544	431,268
DPM	HOSE	379.9	12,423.85	8.01%	32.7	6.48	1.40	785,002	922,229	1,442,198
HAG	HOSE	718.2	17,522.97	7.98%	24.4	14.31	1.31	2,180,664	2,260,977	3,429,352
VCB	HOSE	2,317.4	69,290.77	6.11%	29.9	15.83	1.59	297,391	374,243	737,558
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	4.13%	21.0	10.75	1.42	1,475,956	1,638,824	1,189,194
BVH	HOSE	680.5	27,286.90	3.08%	40.1	22.26	2.19	190,519	307,219	465,641
ITA	HOSE	718.0	5,744.05	2.71%	8.0	102.44	0.74	3,903,170	4,843,385	8,061,679
HSG	HOSE	96.3	4,324.46	2.68%	44.9	10.78	1.91	76,436	109,045	195,233
GMD	HOSE	114.4	3,810.24	2.26%	33.3	123.92	0.84	210,748	280,439	360,832
PPC	HOSE	318.2	6,585.80	2.03%	20.7	7.21	1.17	163,656	316,190	724,030
VSH	HOSE	206.2	3,402.98	1.74%	16.5	15.84	1.27	131,527	282,662	703,354
CSM	HOSE	67.3	2,624.39	1.64%	39.0	7.06	2.02	302,252	294,728	470,670
KBC	HOSE	389.8	4,170.43	1.48%	10.7	24.12	0.82	705,367	651,694	1,045,771
DRC	HOSE	83.1	3,580.48	1.33%	43.1	9.24	2.41	87,964	115,951	290,986
PVT	HOSE	255.9	3,147.08	1.18%	12.3	13.66	1.15	419,300	507,699	1,212,694
DIG	HOSE	143.0	2,359.43	1.01%	16.5	45.11	1.01	265,375	230,012	529,784
OGC	HOSE	300.0	3,270.00	0.91%	10.9	48.12	1.02	1,205,470	1,363,977	2,859,882
PET	HOSE	69.8	1,110.49	0.87%	15.9	7.45	0.89	547,412	479,581	645,544

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

**Market Vectors Vietnam ETF**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,882.23	5.37%	26.6	7.90	1.41	1,265,954	1,392,685	2,628,706
VIC	HOSE	894.2	58,125.63	8.00%	65.0	7.76	3.71	135,546	218,718	498,749
VCB	HOSE	2,317.4	69,290.77	7.00%	29.9	15.83	1.59	297,391	374,243	737,558
BVH	HOSE	680.5	27,286.90	6.50%	40.1	22.26	2.19	190,519	307,219	465,641
DPM	HOSE	379.9	12,423.85	5.79%	32.7	6.48	1.40	785,002	922,229	1,442,198
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	4.26%	21.0	10.75	1.42	1,475,956	1,638,824	1,189,194
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	3.22%	83.5	10.66	2.21	182,372	206,544	431,268
ITA	HOSE	718.0	5,744.05	3.73%	8.0	102.44	0.74	3,903,170	4,843,385	8,061,679
SHB	HNX	886.1	8,063.36	2.86%	9.1	10.09	0.77	3,574,252	5,315,839	8,264,781
PPC	HOSE	318.2	6,585.80	1.58%	20.7	7.21	1.17	163,656	316,190	724,030
OGC	HOSE	300.0	3,270.00	2.33%	10.9	48.12	1.02	1,205,470	1,363,977	2,859,882
GMD	HOSE	114.4	3,810.24	1.62%	33.3	123.92	0.84	210,748	280,439	360,832
MSN	HOSE	734.9	73,123.68	8.00%	99.5	218.32	4.89	84,768	132,772	293,278
HAG	HOSE	718.2	17,522.97	2.83%	24.4	14.31	1.31	2,180,664	2,260,977	3,429,352
DRC	HOSE	83.1	3,580.48	1.28%	43.1	9.24	2.41	87,964	115,951	290,986
VCG	HNX	441.7	5,874.75	3.58%	13.3	13.26	1.06	1,601,690	1,995,624	2,477,428
PVT	HOSE	255.9	3,147.08	2.05%	12.3	13.66	1.15	419,300	507,699	1,212,694

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	58,125.63	0.00%	65.0	7.76	3.71	135,546	218,718	498,749
MSN	HOSE	734.9	73,123.68	0.00%	99.5	218.32	4.89	84,768	132,772	293,278
DPM	HOSE	379.9	12,423.85	0.00%	32.7	6.48	1.40	785,002	922,229	1,442,198
HAG	HOSE	718.2	17,522.97	0.00%	24.4	14.31	1.31	2,180,664	2,260,977	3,429,352
VCB	HOSE	2,317.4	69,290.77	0.00%	29.9	15.83	1.59	297,391	374,243	737,558
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	0.00%	21.0	10.75	1.42	1,475,956	1,638,824	1,189,194
BVH	HOSE	680.5	27,286.90	0.00%	40.1	22.26	2.19	190,519	307,219	465,641
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	8.64	0.99	225,305	308,286	686,656
GAS	HOSE	1,895.0	200,870.00	0.00%	106.0	18.19	5.77	385,546	394,009	440,400

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	73,123.68	0.81%	99.5	218.32	4.89	84,768	132,772	293,278
VIC	HOSE	894.2	58,125.63	0.55%	65.0	7.76	3.71	135,546	218,718	498,749
DPM	HOSE	379.9	12,423.85	0.26%	32.7	6.48	1.40	785,002	922,229	1,442,198
VCB	HOSE	2,317.4	69,290.77	0.20%	29.9	15.83	1.59	297,391	374,243	737,558
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	0.14%	21.0	10.75	1.42	1,475,956	1,638,824	1,189,194
BVH	HOSE	680.5	27,286.90	0.10%	40.1	22.26	2.19	190,519	307,219	465,641

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,059	5.9	0.9	15.7%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,777	7.1	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,793	21.8	0.7	3.2%	2.1%
Sản xuất giấy	757	7.8	0.8	11.3%	5.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	36,347	19.7	2.0	18.1%	7.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,614	4.1	0.7	18.2%	3.8%
Khai khoáng	11,928	52.0	5.0	1.9%	1.3%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,542	16.9	1.4	11.5%	8.1%
Xây dựng	28,331	- 39.9	1.0	-4.0%	1.5%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	1,979	6.8	1.0	17.1%	9.0%
Công nghiệp phức hợp	704	3.5	0.8	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,705	9.7	0.9	7.8%	3.8%
Thiết bị điện	1,605	- 17.1	0.7	-0.8%	-1.3%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,788	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,368	- 1.6	0.9	2.2%	-0.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,077	15.6	1.3	14.3%	10.8%
Dịch vụ vận tải	5,900	8.7	1.5	18.2%	11.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,113	10.7	1.3	13.3%	4.6%
Đào tạo & Việc làm	200	9.5	0.6	8.1%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	183	8.5	0.8	10.6%	4.8%
Chất thải & Môi trường	152	2.3	0.7	34.6%	17.0%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,831	10.4	1.4	13.3%	7.8%
Lốp xe	6,594	8.0	2.2	29.1%	12.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,742	6.7	1.1	15.9%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	353	13.1	2.2	19.0%	11.7%
Đồ uống & giải khát	267	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,373	9.5	1.3	14.6%	6.5%
Thực phẩm	200,562	22.9	4.8	21.1%	16.3%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	49	39.0	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,073	8.0	0.9	12.6%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	141	7.9	1.3	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,020	8.3	1.4	17.8%	7.0%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,855	8.9	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	706	- 8.5	1.1	0.1%	4.2%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	818	14.7	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	135	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	172	8.2	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm	15,144	11.0	3.1	25.4%	16.7%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	751	13.4	1.2	12.8%	8.3%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,087	8.4	1.3	14.8%	3.1%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,022	8.1	0.9	12.0%	8.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	184	8.1	3.4	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,671	35.5	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí	2,199	27.6	1.4	15.2%	12.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,166	21.7	2.0	15.8%	14.0%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	53	12.4	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	512	20.3	0.6	3.1%	1.2%
Internet	281	59.3	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,470	10.1	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	414	14.9	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng	262	5.1	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,048	13.8	0.7	5.0%	3.6%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	25,011	-	6.7	-5.0%	3.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	210,609	17.6	5.6	33.0%	22.1%
Nước	1,160	6.3	1.0	16.8%	11.1%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,167	5.2	0.8	15.0%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,294	11.9	0.7	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm	2,793	7.9	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,423	22.3	2.2	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,270	48.1	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	24,157	13.1	1.3	8.3%	6.3%
Ngân hàng					
Ngân hàng	246,507	11.1	1.3	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	131,967	11.2	2.4	27.6%	6.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	7	12.4	0.7	5.5%	2.5%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,367	9.5	1.9	20.5%	8.4%



- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.